

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2019/DS-ST

Ngày 27/6/2019

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Phụng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Kim Thúy

Ông Huỳnh Văn Thanh

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị T Lan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Trong các ngày 20 và 27 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 21/2019/TLST-DS ngày 18 tháng 01 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2019/QĐXXST-DS ngày 02/5/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2019/QĐ-DS, ngày 21/5/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Lê Thị Minh T**, sinh năm 1974 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh T.

Bị đơn: Chị **Phùng Thị Thu T**, sinh năm 1981 (vắng mặt).

Anh **Nguyễn Thành S**, sinh năm 1979 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Lê Thị Minh T trình bày: Chị có cho vợ chồng anh Nguyễn Thành S và chị Phùng Thị Thu T mượn số tiền 594.000.000 đồng. Khi nhận tiền anh S và chị T có làm biên nhận và hứa mỗi tháng sẽ trả cho chị 50.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ. Sau đó, anh S và chị T có trả cho chị được 400.000.000 đồng, còn lại 194.000.000 đồng đến nay chưa trả. Nay chị yêu cầu anh S và chị T phải trả cho chị số tiền 194.000.000 đồng, trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn anh Nguyễn Thành S trình bày: Việc chị T mượn tiền của chị Tr anh không hay biết cũng không có ký tên trong giấy biên nhận nợ, chị T cũng không có đem tiền mượn được về sử dụng trong gia đình, nên anh không đồng ý trả số tiền 194.000.000 đồng theo yêu cầu của chị Tr. Tại phiên tòa sơ thẩm, anh Nguyễn Thành S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do.

Bị đơn chị Phùng Thị Thu T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo phiên họp và thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng chị T vắng mặt không có lý do cũng không có ý kiến bằng văn bản về việc chị Tr khởi kiện chị. Do đó Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị T và anh S theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Lê Thị Minh T yêu cầu anh Nguyễn Thành S và chị Phùng Thị Thu T trả số tiền 194.000.000 đồng, nên đây là quan hệ pháp luật tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Điều 463 của Bộ Luật Dân sự. Do bị đơn có hộ khẩu thường trú tại huyện Cai Lậy, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án: Chị Lê Thị Minh T yêu cầu anh Nguyễn Thành S và chị Phùng Thị Thu T trả số tiền 194.000.000 đồng. Xét thấy, tại giấy biên nhận nợ có nội dung anh Nguyễn Thành S và chị Phùng Thị Thu T cam kết mỗi tháng sẽ trả cho chị Tr số tiền 50.000.000 đồng, trả cho đến khi hết số nợ 594.000.000 đồng, chị T đã trả được 300.000.000 đồng, còn nợ lại 194.000.000 đồng, trong biên nhận có anh S và chị T ký tên nên yêu cầu anh S và chị T cùng trả. Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Tr xác định chị T là người viết, ký tên trong giấy nhận nợ, trực tiếp mượn số tiền 594.000.000 đồng và mỗi tháng trả dần 50.000.000 đồng, đến nay còn nợ 194.000.000 đồng không trả là vi phạm thỏa thuận. Mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng chị T không có mặt để bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của mình, nên yêu cầu của chị Tr yêu cầu chị T trả số tiền 194.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp pháp luật được Hội đồng xét xử chấp nhận. Tuy nhiên, chị Tr yêu cầu anh S cùng với chị T trả số tiền 194.000.000 đồng là không có cơ sở, bởi lẽ anh S xác định việc chị T mượn tiền của chị Tr anh không hay biết và không có ký tên trong giấy nhận nợ, chị T cũng không có đem tiền mượn được về sử dụng trong gia đình nên anh không đồng ý trả tiền cho chị Tr. Hơn nữa, chị Tr xác định chữ ký trong giấy nợ là của anh S, nhưng chị thừa nhận là không nhìn thấy anh S trực tiếp ký tên mà chỉ nghe chị T nói lại là đã đưa giấy nợ cho anh S ký. Mặt khác, tại phiên tòa sơ thẩm, chị Tr không có chứng cứ gì để chứng minh chữ ký trong giấy nhận nợ là của anh S và xin rút lại yêu cầu buộc anh S cùng trả số nợ trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Tr.

[3] Án phí: Chị Phùng Thị Thu T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày

30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo qui định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 357 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: 1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Minh T.

Buộc chị Phùng Thị Thu T có nghĩa vụ trả cho chị Lê Thị Minh T số tiền 194.000.000 (Một trăm chín mươi bốn triệu) đồng, trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày chị Lê Thị Minh T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Phùng Thị Thu T chậm thi hành thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản lãi tính theo mức lãi suất do pháp luật quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Án phí: Chị Phùng Thị Thu T phải chịu 9.700.000 (Chín triệu, bảy trăm ngàn) đồng án phí sơ thẩm.

Hoàn lại cho chị Lê Thị Minh T số tiền 4.850.000 (Bốn triệu, tám trăm năm mươi ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 16341 ngày 17 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

3. Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND Cai Lậy;
- CCTHADS Cai lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hồng Phụng